

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Tuyền;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

- T1 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – T1 ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc T, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh T, *có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Võ Trường H, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp 4, xã L1, huyện C, tỉnh L, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Phạm Ngọc T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng chị T tổ chức đám cưới năm 28/7/2019, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 22/7/2019. Trước khi kết hôn, chị T và anh H có tìm hiểu nhau được 08 tháng. Do trước khi kết hôn vợ chồng chị T không có tìm hiểu nhau kỹ nên khi về chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, cũng như mọi việc trong gia đình. Anh H T1 lòng xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con. Từ đó, hôn nhân của chị luôn trong tình trạng căng thẳng và mệt mỏi. Hiện nay, chị T và anh H không còn sống chung nhà, chị T đã về nhà mẹ ruột của chị T sinh sống. Chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Ngọc Anh T1, sinh ngày 22/12/2020. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T1 đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Trước đây, chị T đi làm công nhân, chị T vừa xin nghỉ chỗ làm cũ và đang xin việc mới. Trước thời điểm chị T nghỉ việc thì thu nhập

trung bình của chị T là 7.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian chị T đi làm thì cháu T1 gửi cho bà ngoại chăm sóc phụ. Mẹ của chị T sinh năm 1980, cha mẹ của chị T mới chỉ có cháu T1 là cháu ngoại.

Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Trường H trình bày như sau:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H không trình bày ý kiến, anh H không hiểu sao chị T khởi kiện nộp đơn ly hôn. Tuy nhiên, chị T đã kiên quyết ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H cũng có nguyện vọng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh H đang đi làm công nhân, thu nhập của anh H trung bình là 9.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian anh H đi làm, cháu T1 được gửi cho ông bà nội, năm nay cha mẹ anh H 60 tuổi, tuy nhiên, cha mẹ anh H cũng đủ sức khỏe hỗ trợ anh H chăm sóc cháu T1.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Trường H có nơi cư trú tại Ấp 4, xã L1, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Phạm Ngọc T và anh Võ Trường H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 22/7/2019, nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân của vợ chồng anh chị là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T nguyên nhân là do vợ chồng chị T chỉ quen biết nhau một thời gian ngắn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, cũng như mọi việc trong gia đình, anh H thì lờn xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con. Từ đó, hôn nhân của chị luôn trong tình trạng căng thẳng và mệt mỏi. Hiện nay, chị T và anh H không còn sống chung nhà, chị T đã về nhà mẹ ruột của chị T sinh sống. Về phía anh H, anh H không có ý kiến gì về mâu thuẫn vợ chồng, anh H không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh cũng H đồng ý ly hôn với chị T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh H đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Võ Ngọc Anh T1, sinh ngày 22/12/2020, hiện nay cháu T1 đang sống với chị T. Khi ly hôn, cả chị T và anh H đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1. Hội đồng xét xử xét thấy tính tới ngày mở phiên tòa sơ thẩm cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình trường hợp con chung dưới 36 tháng tuổi mà cha mẹ ly hôn thì con chung được giao cho mẹ nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Võ Trường H.

Về hôn nhân: chị Phạm Ngọc T được ly hôn với anh Võ Trường H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Ngọc T nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Võ Ngọc Anh T1, sinh ngày 22/12/2020. Anh Võ Trường H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Phạm Ngọc T pH chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011561 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân

